

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 145/2020/DS-ST

Ngày: 11-6-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;
2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lua - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Không.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2020/QĐST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Số 97, ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn M, sinh năm: 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 26/4 đường Trịnh Thị M, tổ 78, ấp T, xã T1, huyện H, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm: 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp T2, xã T3, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 21/10/2019, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị L - có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn M trình bày:

Ông Bùi Văn Đ là chủ đại lý vé số, ông Đ có quen biết với ông P là người chạy lấy hàng cho bà Võ Thị L nên khi được ông P giới thiệu, bà L có cho ông Đ vay số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) vào ngày 09/11/2017, có làm giấy vay tiền.

Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày vay, lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Hết thời hạn vay ông Đ không giữ đúng cam kết, không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà L dù bà L đã nhiều lần liên lạc, ông Đ cố tình trốn tránh. Vì vậy bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi buộc ông Đ phải trả cho bà số tiền gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tính đến ngày xét xử, tổng cộng là 02 năm 07 tháng 02 ngày.

* Bị đơn là ông Bùi Văn Đ vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 21/10/2019, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc đã vay theo “Giấy vay tiền ngày 09/11/2017” là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tính đến ngày xét xử, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại Quốc lộ 22, ấp T2, xã T3, huyện C, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (bị đơn trực tiếp ký nhận và niêm yết) nhưng vẫn không đến Tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Võ Thị L yêu cầu ông Bùi Văn Đ trả số tiền gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) theo “Giấy mượn tiền ngày 09/11/2017” và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tính đến ngày xét xử.

Hội đồng xét xử xét tại “Giấy vay tiền ngày 09/11/2017”, ông Đ có ký tên vay của bà L số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), “Giấy vay tiền ngày 09/11/2017” có nội dung ghi nhận thời điểm vay tiền, tổng số tiền vay, thời điểm trả tiền, có lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, như vậy “Giấy vay tiền ngày 09/11/2017” là Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông Đ đã được triệu tập hợp lệ và trực tiếp ký tên vào các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án, điều này thể hiện ông mặc nhiên thừa nhận ông có nợ bà L số tiền gốc như đã nêu trên. Việc ông Đ không trả tiền cho bà L theo đúng cam kết ghi trong “Giấy vay tiền ngày 09/11/2017” là vi phạm

nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trong giấy vay tiền còn thể hiện ông Đ phải trả lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, do đó yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử của bà L là có cơ sở để chấp nhận. Đồng thời lãi suất phát sinh nếu ông Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sẽ được tính theo quy định của pháp luật tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 bởi nghĩa vụ này phát sinh kể từ thời điểm bà L có đơn yêu cầu thi hành án.

Theo quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. “Giấy vay tiền ngày 09/11/2017” tính đến ngày 11/6/2020 là 02 năm 07 tháng 02 ngày, như vậy số tiền lãi ông Đ phải trả cho bà L là: $70.000.000đ \times [9\%/năm \times 02 \text{ năm} + 0,75\%/tháng \times 07 \text{ tháng} + 0,025\%/ngày \times 02 \text{ ngày}] = 12.600.000đ + 3.675.000đ + 35.000đ = 16.310.000đ$. Như vậy tổng số tiền gốc và tiền lãi ông Đ phải trả là $70.000.000đ + 16.310.000đ = 86.310.000đ$ (Tám mươi sáu triệu ba trăm mười ngàn đồng).

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đ phải chịu án phí dân sự tính trên giá ngạch của số tiền vay phải trả cho bà L, đồng thời hoàn lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3, Khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 466 và Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Bùi Văn Đ phải chịu trách nhiệm trả cho bà Võ Thị L số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 11/6/2020 tổng cộng là 86.310.000đ (Tám mươi sáu triệu ba trăm mười ngàn đồng).

Thi hành ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá

mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bùi Văn Đ phải chịu án phí là 4.315.500đ (Bốn triệu ba trăm mười lăm ngàn năm trăm đồng);

- Hoàn lại cho bà Võ Thị L số tiền 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0083519 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi,

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

3. Bà Võ Thị L có người đại diện theo ủy quyền có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Văn Đ vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**